

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1081/2023/LĐ-PT
Ngày: 16/11/2023
V/v Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hoàng Hoa
Ông Phan Nguyên Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 65/2023/TLPT-LĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 55/2023/LĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4949/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1990, có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Số D, ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Căn hộ A, Block C, Nguyễn Văn L, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH H.

Trụ sở chính: 335 - C T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Văn Thị Diễm T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ liên lạc: F N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
(theo Giấy ủy quyền ngày 01 tháng 11 năm 2023).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đức T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2022, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ông Nguyễn Đức T và Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty) có giao kết Hợp đồng lao động số 03/052022-HĐLĐ ngày 06/5/2022 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 03/052022-PLHĐLĐ ngày 06/5/2022. Theo nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng lao động thể hiện: Công ty tuyển dụng ông T vào làm việc với chức danh nhân viên nhân sự, loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 06/5/2022 đến ngày 05/5/2023, mức lương hàng tháng: Mức lương chính hoặc tiền công là 15.000.000 đồng, hỗ trợ tiền cơm trưa là 1.000.000 đồng, mức khấu trừ Bảo hiểm xã hội 10,5% là 1.050.000 đồng, tổng thu nhập là 14.950.000 đồng.

Tuy nhiên, ngày 27/9/2022 và ngày 01/10/2022 ông T được Tổng quản lý là bà Trịnh Thị Thanh V mời vào họp và thông báo Giám đốc Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông T vào ngày 16/10/2022. Công ty trả tiền lương từ ngày 01/10/2022 đến ngày 15/10/2022, ngoài ra ông T không được nhận bất kỳ khoản đền bù hợp đồng nào khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, ông T có nộp đơn hòa giải lên Phòng L1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 14/10/2022 khi được Phòng L1, Thành phố Hồ Chí Minh mời lên hòa giải thì Giám đốc Công ty lại cho rằng không có chấm dứt hợp đồng lao động với ông T và yêu cầu ông tiếp tục làm việc theo như hợp đồng đã ký, Công ty cũng có cam kết trả lương cho ông đúng như trên hợp đồng đã ký.

Thực tế thì Công ty đã ngưng hoạt động từ ngày 14/10/2022 nhưng ông T vẫn đến Công ty mỗi ngày như thường lệ và bấm vân tay đầy đủ. Kỳ lương từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/10/2022 sẽ được thanh toán vào ngày 05/11/2022. Nhưng đến nay ông T vẫn chưa nhận được tiền lương và Công ty V1 không nêu lý do chính đáng theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 11/11/2022, ông T nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng lao động từ Công ty Q. Nội dung ghi chấm dứt hợp đồng lao động với ông T từ ngày 01/12/2022 nhưng không đề cập đến việc thanh toán tiền lương và bồi

thường cho ông. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH H thanh toán cho ông các khoản tiền sau:

Tiền lương tháng 10, tháng 11 năm 2022 (từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022) số tiền: 32.000.000 đồng;

Tiền ngày phép chưa nghỉ của tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11 năm 2022 là 04 ngày với số tiền là: $(16.000.000 \text{ đồng} / 26) \times 4 = 2.461.538 \text{ đồng}$;

Khoản tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là: $16.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 32.000.000 \text{ đồng}$;

Khoản tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là: $16.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 32.000.000 \text{ đồng}$;

Khoản tiền Bảo hiểm xã hội của tháng 10, tháng 11 năm 2022 (do Công ty đã chốt bảo hiểm đến hết tháng 09/2022) là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 2 = 4.300.000 \text{ đồng}$.

Cung cấp Quyết định thôi việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn cung cấp Quyết định thôi việc và thay đổi các yêu cầu khởi kiện như sau:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản tiền Bảo hiểm xã hội của tháng 10, tháng 11 năm 2022 (do Công ty đã chốt bảo hiểm đến hết tháng 09/2022) là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 2 = 4.300.000 \text{ đồng}$. Nay nguyên đơn thay đổi thành: Yêu cầu bị đơn có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, chốt sổ bảo hiểm xã hội tháng 10, tháng 11 năm 2022 cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là: $16.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 32.000.000 \text{ đồng}$ và khoản tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là: $16.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 32.000.000 \text{ đồng}$. Nay nguyên đơn thay đổi thành: Yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ và khoản tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại, nguyên đơn giữ nguyên như trên. Ngoài ra, nguyên đơn tự nguyện không còn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương

từ tháng 12 năm 2022 đến khi kết thúc hợp đồng và bồi thường khoản tiền nào khác.

Tại bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn Công ty TNHH H có bà Nghiêm Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn chỉ chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền 38.761.538 đồng, bao gồm:

Tiền lương tháng 10, tháng 11 năm 2022 (từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022) số tiền: 32.000.000 đồng;

Tiền ngày phép chưa nghỉ của tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11 năm 2022 là 04 ngày với số tiền là: $(16.000.000 \text{ đồng} / 26) \times 4 = 2.461.538 \text{ đồng}$;

Tiền Bảo hiểm xã hội của tháng 10, tháng 11 năm 2022 (do Công ty đã chốt bảo hiểm đến hết tháng 09/2022) là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 2 = 4.300.000 \text{ đồng}$.

Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý thanh toán vì Công ty đã đóng cửa và ngưng hoạt động từ ngày 07/10/2022. Do không am hiểu pháp luật nên Công ty đã chậm trễ trong việc thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 55/2023/LĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T về việc:

- Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lương tháng 10, tháng 11 năm 2022 cho nguyên đơn với số tiền: 32.000.000 đồng và tiền ngày phép chưa nghỉ của tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11 năm 2022 là 2.461.538 đồng và 02 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 64.461.538 đồng. Thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH H và ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm đóng bảo hiểm cho ông T tháng 10, tháng 11 năm 2022 và có trách nhiệm trả tờ rời bảo hiểm xã hội tháng 10, tháng 11 năm 2022 cho ông T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đức T về việc không yêu cầu Công ty TNHH H trả tiền lương từ tháng 12 năm 2022 đến khi chấm dứt Hợp

đồng lao động số 03/052022-HĐLĐ ngày 06/5/2022 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 03/052022-PLHĐLĐ ngày 06/5/2022.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc: Yêu cầu Công ty TNHH H thanh toán số tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 là 30.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc yêu cầu Công ty TNHH H ban hành Quyết định thôi việc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án, thời hạn thi hành án.

Ngày 18/7/2023, nguyên đơn nộp Đơn kháng cáo một phần bản án lao động sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải trả thêm một khoản tiền bồi thường bằng 02 tháng lương trên hợp đồng lao động, tương đương 30.000.000 đồng theo khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án lao động sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn do bà Văn Thị Diễm T1 đại diện theo ủy quyền không đồng ý toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy

kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 55/2023/LĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo nộp đến Tòa án cấp sơ thẩm ngày 18/7/2023 của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thêm một khoản tiền bồi thường bằng 02 tháng lương trên hợp đồng lao động, tương đương 30.000.000 đồng theo khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019.

[2.1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định không muốn tiếp tục làm việc tại Công ty, bị đơn cũng không muốn nhận nguyên đơn trở lại làm việc nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 là: 15.000.000 đồng x 2 tháng = 30.000.000 đồng để chấm dứt hợp đồng lao động.

[2.2]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự xác nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Các ngày 27/9/2022 và 01/10/2022, nguyên đơn đã được bà Trịnh Thị Thanh V, Tổng quản lý của Công ty, là lãnh đạo trực tiếp của nguyên đơn trong thời gian làm việc, đã thông báo cho nguyên đơn biết từ ngày 14/10/2022, Công ty sẽ ngừng hoạt động và Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn vào ngày 16/10/2022. Từ ngày 14/10/2022 đến ngày 23/11/2022, nguyên đơn vẫn đến Công ty ngồi chờ phân công công việc nhưng Công ty không còn hoạt động, chỉ có bảo vệ trực nên không có người giao việc cho nguyên đơn nên

nguyên đơn không có việc gì để làm. Ngoài ra, có người giao hàng đến giao hàng nhưng không có người nhận và còn một số người giao hàng khác đến đòi tiền hàng, nhân viên đến đòi tiền lương nhưng không gặp được người đại diện theo pháp luật của Công ty và những nhân viên khác đến làm việc. Từ ngày 23/11/2022, bị đơn chưa trả tiền điện nên bị điện lực cắt điện, từ đó nguyên đơn không đến Công ty nữa. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn cùng xác định Công ty đã ngưng hoạt động từ ngày 14/10/2022 đến nay. Hợp đồng lao động giữa hai bên là hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 06/5/2022 đến ngày 05/5/2023. Căn cứ Công văn số 181/ĐKKD-T6 ngày 06/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cũng thể hiện bị đơn đã gửi thông báo quyết định giải thể.

[2.3]. Khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *“Trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận người lao động và người lao động đồng ý thì ngoài khoản tiền người sử dụng lao động phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều này và trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật này, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm cho người lao động nhưng ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động”*. Tuy nhiên, hợp đồng lao động giữa hai bên đã chấm dứt kể từ ngày 05/5/2023, bị đơn đã gửi thông báo quyết định giải thể đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H. Do không thỏa mãn các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp.

[3]. Đối với các nội dung khác của bản án lao động sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 55/2023/LĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm:

[5.1]. Nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 16 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5.2]. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động là 1.933.846 đồng.

[6]. Án phí lao động phúc thẩm:

[6.1]. Nguyên đơn được miễn án phí lao động phúc thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6.2]. Bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Các Điều 34, 36, 39, 41, 48 và Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 55/2023/LĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T về việc:

- Buộc bị đơn Công ty TNHH H có trách nhiệm thanh toán tiền lương tháng 10, tháng 11 năm 2022 cho nguyên đơn ông Nguyễn Đức T với số tiền: 32.000.000 đồng và tiền ngày phép chưa nghỉ của tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11 năm 2022 là 2.461.538 đồng và 02 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 64.461.538 đồng (sáu mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn năm trăm ba mươi tám đồng). Thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH H (người sử dụng lao động) và ông Nguyễn Đức T (người lao động) có trách nhiệm đóng bảo hiểm cho ông Nguyễn Đức T tháng

10, tháng 11 năm 2022 và có trách nhiệm trả tờ rời bảo hiểm xã hội tháng 10, tháng 11 năm 2022 cho ông Nguyễn Đức T.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Đức T (đối với các khoản tiền phải trả cho ông Nguyễn Đức T) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đức T về việc không yêu cầu Công ty TNHH H trả tiền lương từ tháng 12 năm 2022 đến khi chấm dứt Hợp đồng lao động số 03/052022-HĐLĐ ngày 06/5/2022 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 03/052022-PLHĐLĐ ngày 06/5/2022.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc: Yêu cầu Công ty TNHH H thanh toán số tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc yêu cầu Công ty TNHH H ban hành Quyết định thôi việc.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động:

4.1. Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động là 1.933.846 đồng (một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng).

4.2. Ông Nguyễn Đức T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động.

5. Án phí lao động phúc thẩm:

5.1 Ông Nguyễn Đức T được miễn án phí lao động phúc thẩm.

5.2 Công ty TNHH H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc